| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TT**<br>**TỈNH PT** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số 16/2020/QĐST-HNGĐ | *TT, ngày 09 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 5, xã X (nay là xã X1), huyện TT, tỉnh PT.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 5, xã X (nay là xã X1), huyện TT, tỉnh PT.

Chỗ ở hiện nay: Khu 7, xã Y, huyện TT, tỉnh PT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị Thanh H.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T và chị H đều xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thế Đ và cháu Nguyễn Vũ Đăng D.

Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Vũ Thế Đ, sinh ngày 24/5/2010 và cháu Nguyễn Vũ Đăng D, sinh ngày 03/02/2017 kể từ ngày 09/3/2020 cho đến khi cháu Đan, cháu Dương thành niên.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

- Về tài sản chung, tài sản nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh T và chị H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001683 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT. Anh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự
- VKSND huyện Thanh Thủy
- UBND xã X1
- Lưu hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

**Lương Viết Tú**